TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2018/QĐST-HNGĐ	*Nho Quan, ngày 04 tháng 01 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 219/2017/TLST/HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm 1969.

HKTT: Thôn K, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện ở: Thôn M, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Phùng Văn Q, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị T và anh Phùng Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Phùng Anh N, sinh ngày 29/6/2004. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q.

Sau khi ly hôn chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T.

2.2 Về Tài sản chung - Công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T, anh Q là hộ nghèo nên không phải nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN
(đã ký)

HÀ MINH LỰC